

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHI LĂNG  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/ HNGĐ-ST  
Ngày 21-01-2022  
Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Hoàng Thế Khuynh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Hoàng Thị Lá;

Ông Nông Ngọc Dung.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Triệu Thị Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:*** Bà Âu Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 46/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Vy Quỳnh G, sinh năm 1992. Địa chỉ : Số 73, đường L, khu đô thị P, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

***- Bị đơn:*** Anh Khổng Trần M, sinh năm 1992. Địa chỉ: Khu T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Vy Quỳnh G trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vy Quỳnh G và anh Khổng Trần M kết hôn vào ngày 04 tháng 4 năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn chị G và anh M có được tìm hiểu khoảng 03 tháng, sau đó được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, chị G và anh M có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 04 năm, đến năm 2019 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là trong cuộc sống bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã nhau, anh M đã đánh chị G nhiều lần, chị G đã cố gắng chịu đựng để nuôi dạy con cái, nhưng vợ chồng vẫn tiếp tục cãi vã nhau. Do vậy đầu năm 2020 chị Vy Quỳnh G cùng các con bỏ về bên ngoại sinh sống, sau đó anh M cũng đi theo lên nhà ngoại sinh sống cùng nhau được khoảng 02 tháng thì vợ chồng tiếp tục xảy ra cãi vã dẫn đến đánh nhau, đến cuối năm 2020 anh M tự bỏ về bên nội sinh sống từ đó cho đến nay vợ chồng sống ly thân, trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh M cũng không quan tâm thăm hỏi gì và cũng không đến đón chị G về. Nay chị G thấy tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu được ly hôn với anh Không Trần M.

Về con chung: Chị Vy Quỳnh G và anh Không Trần M có 02 con chung là: Cháu Không Tú A, sinh ngày 04/4/2016; cháu Không Trâm A, sinh ngày 07/8/2018, khi ly hôn chị G yêu cầu được nuôi cả hai con vì hiện nay con còn nhỏ cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ, nếu không được nuôi cả hai con thì chị G xin nuôi cháu Không Trâm A, chị không yêu cầu anh Không Trần M phải cấp dưỡng nuôi con. Chị có đủ điều kiện chăm sóc con đầy đủ, có nơi ở và thu nhập ổn định.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Không Trần M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Không Trần M xác nhận về điều kiện kết hôn đúng như chị G trình bày, trước khi kết hôn anh chị có được tìm hiểu khoảng 03 đến 04 tháng, sau đó được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, anh M và chị G có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, sau ngày cưới vợ chồng anh chung sống hạnh phúc được 04 năm, đến năm 2019 anh M và chị G bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là trong cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã, chửi nhau, có lần do chị G cầm dao chém anh do vậy anh M mới đánh lại. Đầu năm 2020 chị G đã bỏ về bên ngoại sinh sống từ đó cho đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay chị G yêu cầu ly hôn anh M cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Không Trần M thừa nhận anh và chị G có 02 con chung như chị G đã trình bày, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cả hai con, anh không yêu cầu chị Vy Quỳnh G phải cấp dưỡng nuôi con. Vì anh có đủ điều kiện nuôi cả hai con, anh có thời gian chăm sóc đưa đón các con, nhà cửa ở cùng bố mẹ anh M, thu nhập của anh ổn định, hiện nay các con đang ở với anh M tại thị trấn Đ được khoảng 02 tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có quan điểm như sau:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, đúng mối quan hệ pháp luật; việc thu thập chứng cứ đúng trình tự và đầy đủ; việc tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng; người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 53; các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử cho chị Vy Quỳnh G và anh Không Trần M thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Vy Quỳnh G được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Không Trâm A, sinh ngày 07/8/2018 và anh Không Trần M được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Không Tú A, sinh ngày 04/4/2016 và hai bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí các đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Nguyên đơn chị Vy Quỳnh G đã giao nộp chứng cứ cho Tòa án gồm: đơn khởi kiện; giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy khai sinh của con chung (bản sao); giấy chứng minh nhân dân mang tên Vy Quỳnh G, đơn xác nhận thu nhập. Bị đơn anh Không Trần M giao nộp cho Tòa án Bản tự khai, Căn cước công dân, và các tài liệu chứng cứ chứng minh về điều kiện nuôi con.

Về tình tiết của vụ án, các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất: Chị Vy Quỳnh G và anh Không Trần M được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn, anh chị có 02 con chung và không có tài sản chung. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị G yêu cầu ly hôn với anh M; anh M đồng ý ly hôn. Anh chị thỏa thuận thuận tình ly hôn, không thỏa thuận được về nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con không bên nào có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung, không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hoà giải theo quy định của pháp luật nhưng các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc nuôi con chung.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Không Trần M có hộ khẩu thường trú tại khu T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, hiện nay bị đơn vẫn cư trú tại đây, nguyên đơn đã chuyển về sinh sống tại số 73, đường L, khu đô thị P, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, do vậy Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng

thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị Vy Quỳnh G và anh Khổng Trần M là hợp pháp, được kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, anh chị đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng kéo dài. Nguyên nhân trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng nảy sinh nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã chửi nhau, thậm trí còn đánh nhau. Vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, tôn trọng nhau, không có trách nhiệm xây dựng hạnh phúc gia đình, anh M và chị G đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Tình cảm vợ chồng không thể khắc phục được mâu thuẫn, ngược lại mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Nay chị Vy Quỳnh G xác định không còn tình cảm vợ chồng, yêu cầu ly hôn, anh Khổng Trần M cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý thuận tình ly hôn. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Vy Quỳnh G và anh Khổng Trần M có 02 con chung, con thứ nhất cháu Khổng Tú A, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2016 và con thứ hai cháu Khổng Trâm A, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2018. Tại phiên tòa, chị Vy Quỳnh G xin được nuôi cháu Khổng Trâm A, anh Khổng Trần M yêu cầu được nuôi cả hai con. Xét điều kiện nuôi con của chị Vy Quỳnh G, anh Khổng Trần M thấy rằng anh, chị đều có đủ điều kiện mọi mặt đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con, vì anh, chị đều có, thu nhập, nơi ở ổn định. Do vậy cần giao cho chị Vy Quỳnh G trực tiếp được nuôi cháu Khổng Trâm A, giao cho anh Khổng Trần M trực tiếp nuôi cháu Khổng Tú A đến khi các con trưởng thành. Xét yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con của anh Khổng Trần M mà không giao con cho chị Vy Quỳnh G trực tiếp nuôi dưỡng con chung là không đảm bảo quyền lợi chính đáng của chị G và các con chung, không phù hợp quy định pháp luật, không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Vy Quỳnh G, anh Khổng Trần M đều xác nhận có đủ khả năng, điều kiện nuôi con, không ai có yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Vy Quỳnh G và anh Khổng Trần M đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Trong trường hợp thuận tình ly hôn mỗi bên phải chịu 50% án phí. Do đó chị Vy Quỳnh G, anh Khổng Trần M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 266, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 53; các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vy Quỳnh G với anh Không Trần M.

2. Về con chung: Chị Vy Quỳnh G được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Không Trâm A, sinh ngày 07/8/2018. Anh Không Trần M được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Không Tú A, sinh ngày 04/4/2016, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu đủ 18 tuổi và hai bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Vy Quỳnh G phải chịu 75.000 đồng; anh Không Trần M phải chịu 75.000 đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Vy Quỳnh G đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0003163 ngày 08/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị Vy Quỳnh G được trả lại 225.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng;
- Chi cục THA dân sự huyện C;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- UBND thị trấn Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Hoàng Thế Khuynh**